TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/DS-ST
Ngày: 19/12/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hồng Thắm;

2/ Bà Mai Thị Bỉ;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2017, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà X, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông C, sinh năm: 1962;

Bà N, sinh năm: 1960;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã n, huyện T, tỉnh Long An.

Bà N ủy quyền cho ông C (theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2017)

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/10/2017 và những lời trình bày tiếp theo của của nguyên đơn, bà X, như sau:

Từ năm 2011 đến năm 2013 bà N và ông C nhiều lần mua thức ăn gia súc, gia cầm, lúa, gạo của bà, số tiền mua bán khoảng hơn 150.000.000đ. Sau khi mua thì vợ chồng bà N và ông C có trả bà được một khoản tiền, số tiền còn lại thì xin nợ. Ngày 24/4/2013, giữa bà với bà N có lập giấy chốt nợ. Giấy nợ do bà viết và bà N ký tên với nội dung bà N còn thiếu bà số tiền mua thức ăn gia súc là 78.427.000đ. Trước đó thì bà N có trả cho bà số tiền 14.793.000đ, bà N và ông C còn thiếu bà số tiền 63.634.000đ nhưng không có thỏa thuận cụ thể ngày trả. Bà đã nhiều lần đến đòi nhưng bà N và ông C vẫn chư trả bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N và ông C phải liên đới trả số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 63.634.000đ và tiền lãi tính từ ngày 24/4/2013 cho đến ngày 09/10/2017 là 53 tháng x 0,75%/tháng = 25.294.515đ, tổng cộng là 88.928.515đ.

2/ Bị đơn, ông C, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày: Ông thừa nhận từ năm 2012 đến năm 2014, ông và bà N có nhiều lần mua thức ăn gia súc của bà X. Tổng số tiền mà ông và bà N mua thức ăn gia súc là 150.000.000đ. Sau khi mua ông và bà N đã trả cho bà X được 112.000.000đ, hiện nay ông và bà N chỉ còn nợ bà X số tiền là 38.000.000đ. Bà N cũng thừa nhận chữ ký trong giấy chốt nợ ngày 24/4/2013 là do bà N ký và viết tên nhưng bà N chỉ ký nhận đối với số tiền còn nợ là 38.000.000đ chứ không phải là 63.634.000đ như trong giấy nợ ghi. Nay bà X khởi kiện yêu cầu ông và bà N phải liên đới trả số tiền mua thức ăn gia súc là 63.634.000đ và tiền lãi 25.294.515đ thì ông và bà N không đồng ý. Ông và bà N chỉ đồng ý trả cho bà X số tiền 38.000.000đ và xin trả 02 lần là 02 tháng trả 10.000.000đ và hết năm 2018 trả phần còn lại 28.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung tóm tắt của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 09/10/2017 bà X yêu cầu ông C và bà N trả số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Do ông C và bà N cư trú tại huyện Tân Trụ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Bà X yêu cầu bà N và ông C trả số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu 63.634.000đ. Ông C và bà N chỉ thừa nhận còn thiếu 38.000.000đ. Bà N thừa nhận có ký tên vào giấy chốt nợ do bà X viết nhưng không thừa nhận số tiền chốt nợ còn thiếu. Ông C và bà N cho rằng đã trả cho bà X số tiền 112.000.000đ chỉ còn nợ lại số tiền 38.000.000đ và cũng chỉ đồng ý trả số tiền 38.000.000đ, tuy nhiên ông C và bà N không có chứng cứ gì để chứng minh việc đã trả tiền nợ cho bà X và hiện nay chỉ còn thiếu 38.000.000đ. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở khẳng định ông C và bà N còn thiếu bà X 63.634.000đ tiền mua bán thức ăn gia súc.

[3] Về yêu cầu về tiền lãi bà X yêu cầu ông C và bà N trả số tiền lãi từ ngày 24/4/2013 cho đến ngày 09/10/2017 là 53 tháng x 0,75%/tháng = 25.294.515đ. Xét từ ngày chốt nợ thì hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên ông C và bà N chưa trả khoản tiền còn nợ cho bà X, bà X yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ do chậm thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 438 bộ luật dân sự năm 2005 "*Bên mua phải trả lãi, kể cả ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Bà X yêu cầu ông C và bà N phải liên đới trả số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 63.634.000đ và tiền lãi 25.294.515đ, tổng cộng 88.928.515đ khi án có hiệu lực pháp luật. Ngược lại ông C và bà N yêu cầu được trả dần số tiền 38.000.000đ làm 02 lần, yêu cầu này không được bà X chấp nhận. Do đó, hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà X buộc ông C và bà N phải liên đới trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 63.634.000đ và tiền lãi 25.294.515đ cho bà X ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Ông C và bà N phải liên đới chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho bà X.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" với bị đơn ông C và bà N.

1/ Buộc ông C và bà N phải liên đới trả cho bà X số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ 63.634.000đ và tiền lãi 25.294.515đ, tổng cộng 88.928.515đ (Tám mươi tám

triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng), thời hạn kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà X, nếu chậm thi hành, ông C và bà N còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và bà N phải liên đới nộp 4.446.425đ (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Bà X không phải nộp án phí, hoàn lại cho bà X số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.223.000đ (hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 04878, ngày 20/10/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Các đương được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/12/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng